ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
**ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG**
Số: TVHN-216/AGIA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*An Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2026*

# BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

## 1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm, khu vực nội đồng mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước biến đổi chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 03/8 trên các sông, kênh ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025 từ 50-160cm, thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 45-100cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên theo triều, mực nước cao nhất ngày 03/8 ở mức xấp xỉ và cao hơn hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-45cm; mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 35-75cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 03/8 hầu hết ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và thấp hơn TBNN từ 05-65cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 03/8 ở mức 45cm, xuống 02cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

## 2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh biến đổi chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh có xu thế xuống chậm theo triều trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong 2-3 ngày tới, sau đó lên chậm do ảnh hưởng lượng mưa nội vùng.
- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô có xu thế xuống chậm trong 1-2 ngày đầu, sau đó lên lại trong những ngày tiếp theo.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Khả năng xuất hiện ngập, úng khu vực trũng thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu và các kênh, rạch bờ Bắc kênh Vĩnh Tế.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất tại địa phương.

## 3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 05/8/2026**

**Tin phát lúc: 11h30'**

**Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin**

**Phan Minh Đạt**

# Phụ lục

## Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

*Đơn vị: cm*

| Sông, kênh, rạch | Trạm | Cấp báo động lũ | | | Giá trị ngày | | So với | | So với cùng kỳ 2025 | | So với TBNN | | Dự báo | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | BĐ I | BĐ II | BĐ III | 03/8 | | 02/8 | | | | | | 04/8 | 05/8 | 06/8 | 07/8 | 08/8 |
| Tiền | Tân Châu | 350 | 400 | 450 | Hmax | 195 | 3 | ▲ | -56 | ▼ | -47 | ▼ | 193 | 190 | 187 | 189 | 191 |
| | | | | | Hmin | 105 | 5 | ▲ | -126 | ▼ | -101 | ▼ | 108 | 103 | 99 | 101 | 103 |
| Ông Chưởng | Chợ Mới | 200 | 250 | 300 | Hmax | 186 | 3 | ▲ | -1 | ▼ | 14 | ▲ | 183 | 180 | 177 | 176 | 178 |
| | | | | | Hmin | 62 | 6 | ▲ | -76 | ▼ | -38 | ▼ | 68 | 65 | 59 | 55 | 51 |
| Hậu | Khánh An | 420 | 470 | 520 | Hmax | 240 | 4 | ▲ | -135 | ▼ | -57 | ▼ | 242 | 242 | 241 | 243 | 245 |
| | | | | | Hmin | 210 | 5 | ▲ | -160 | ▼ | -66 | ▼ | 211 | 210 | 208 | 210 | 213 |
| | Châu Đốc | 300 | 350 | 400 | Hmax | 205 | 2 | ▲ | -1 | ▼ | 2 | ▲ | 203 | 199 | 197 | 199 | 201 |
| | | | | | Hmin | 89 | 6 | ▲ | -87 | ▼ | -66 | ▼ | 92 | 90 | 86 | 87 | 89 |
| | Long Xuyên | 190 | 220 | 250 | Hmax | 194 | 2 | ▲ | 35 | ▲ | 42 | ▲ | 191 | 186 | 183 | 181 | 183 |
| | | | | | Hmin | 48 | 7 | ▲ | -42 | ▼ | -3 | ▼ | 54 | 51 | 45 | 41 | 37 |
| Vàm Nao | Vàm Nao | 250 | 290 | 330 | Hmax | 189 | 3 | ▲ | -1 | ▼ | 7 | ▲ | 186 | 183 | 180 | 179 | 181 |
| | | | | | Hmin | 68 | 6 | ▲ | -77 | ▼ | -48 | ▼ | 74 | 71 | 65 | 61 | 57 |
| Vĩnh Tế | Xuân Tô | 300 | 350 | 400 | Hmax | 72 | 0 | ◀▶ | -40 | ▼ | -55 | ▼ | 71 | 69 | 70 | 73 | 77 |
| | | | | | Hmin | 57 | 2 | ▲ | -53 | ▼ | -63 | ▼ | 55 | 53 | 50 | 51 | 55 |
| | Vĩnh Gia | 200 | 240 | 280 | Hmax | 52 | -2 | ▼ | -9 | ▼ | -9 | ▼ | 51 | 49 | 50 | 53 | 57 |
| | | | | | Hmin | 47 | -2 | ▼ | -9 | ▼ | -9 | ▼ | 45 | 43 | 40 | 41 | 45 |
| | Vĩnh Điều | 170 | 200 | 230 | Hmax | 67 | -2 | ▼ | 4 | ▲ | -8 | ▼ | 66 | 64 | 65 | 68 | 72 |
| | | | | | Hmin | 58 | -2 | ▼ | 1 | ▲ | -5 | ▼ | 56 | 54 | 51 | 52 | 56 |
| T3 | Vĩnh Phú | 150 | 180 | 210 | Hmax | 57 | -1 | ▼ | -3 | ▼ | -12 | ▼ | 56 | 54 | 55 | 58 | 62 |
| | | | | | Hmin | 52 | -3 | ▼ | -2 | ▼ | -7 | ▼ | 50 | 48 | 45 | 46 | 50 |
| T5 | Nông Trường | 160 | 190 | 220 | Hmax | 67 | 0 | ◀▶ | 0 | ◀▶ | -5 | ▼ | 66 | 64 | 65 | 68 | 72 |
| | | | | | Hmin | 62 | -1 | ▼ | 1 | ▲ | -1 | ▼ | 60 | 58 | 55 | 56 | 60 |
| Tri Tôn | Tri Tôn | 200 | 240 | 280 | Hmax | 78 | 0 | ◀▶ | -21 | ▼ | -21 | ▼ | 77 | 75 | 76 | 79 | 83 |
| | | | | | Hmin | 56 | 3 | ▲ | -41 | ▼ | -36 | ▼ | 54 | 52 | 49 | 50 | 54 |
| | Cô Tô | 140 | 180 | 220 | Hmax | 90 | -1 | ▼ | -10 | ▼ | 11 | ▲ | 89 | 87 | 88 | 91 | 95 |
| | | | | | Hmin | 76 | 0 | ◀▶ | -21 | ▼ | 2 | ▲ | 74 | 72 | 69 | 70 | 74 |
| | Nam Thái Sơn | 90 | 120 | 150 | Hmax | 69 | -1 | ▼ | -2 | ▼ | -1 | ▼ | 68 | 66 | 67 | 70 | 74 |
| | | | | | Hmin | 63 | 1 | ▲ | -2 | ▼ | 2 | ▲ | 61 | 59 | 56 | 57 | 61 |
| Tám Ngàn | Lò Gạch | 170 | 210 | 250 | Hmax | 52 | 0 | ◀▶ | -10 | ▼ | -11 | ▼ | 51 | 49 | 50 | 53 | 57 |
| | | | | | Hmin | 45 | 1 | ▲ | -13 | ▼ | -13 | ▼ | 43 | 41 | 38 | 39 | 43 |
| Ba Thê | Vọng Thê | 140 | 180 | 220 | Hmax | 104 | 1 | ▲ | -10 | ▼ | 13 | ▲ | 102 | 100 | 101 | 103 | 105 |
| | | | | | Hmin | 88 | 1 | ▲ | -20 | ▼ | 5 | ▲ | 88 | 87 | 85 | 86 | 89 |
| Núi Chóc Năng Gù | Vĩnh Hanh | 190 | 230 | 270 | Hmax | 137 | -1 | ▼ | -20 | ▼ | 7 | ▲ | 135 | 133 | 134 | 136 | 138 |
| | | | | | Hmin | 93 | 4 | ▲ | -49 | ▼ | -19 | ▼ | 93 | 92 | 90 | 91 | 94 |
| Rạch Giá-Long Xuyên | Núi Sập | 140 | 180 | 220 | Hmax | 94 | -2 | ▼ | -13 | ▼ | -4 | ▼ | 92 | 90 | 91 | 93 | 95 |
| | | | | | Hmin | 71 | 1 | ▲ | -23 | ▼ | -17 | ▼ | 71 | 70 | 68 | 69 | 72 |
| | Tân Thành | 120 | 150 | 180 | Hmax | 76 | -1 | ▼ | -7 | ▼ | -6 | ▼ | 74 | 72 | 73 | 75 | 77 |
| | | | | | Hmin | 65 | 1 | ▲ | -12 | ▼ | -5 | ▼ | 64 | 62 | 59 | 60 | 63 |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cái Sắn | Tân Hiệp | 90 | 120 | **150** | Hmax | **58** | 0 ◀▶ | -7 ▼ | -2 ▼ | 56 | 54 | 54 | 56 | 58 |
| | | | | | Hmin | **48** | 0 ◀▶ | -10 ▼ | -3 ▼ | 47 | 45 | 42 | 46 | 49 |
| Kiên | Rạch Giá | 70 | 80 | **90** | Hmax | **36** | -3 ▼ | -7 ▼ | -15 ▼ | 37 | 38 | 33 | 34 | 36 |
| | | | | | Hmin | **15** | 2 ▲ | 22 ▲ | 31 ▲ | 15 | 17 | 9 | 11 | 13 |
| Cái Lớn | Xẻo Rô | 80 | 90 | **100** | Hmax | **45** | -2 ▼ | -8 ▼ | -11 ▼ | 41 | 47 | 52 | 59 | 66 |
| | | | | | Hmin | **-16** | 1 ▲ | 4 ▲ | 10 ▲ | -13 | -12 | -20 | -24 | -28 |

***Chú thích:*** ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

# Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

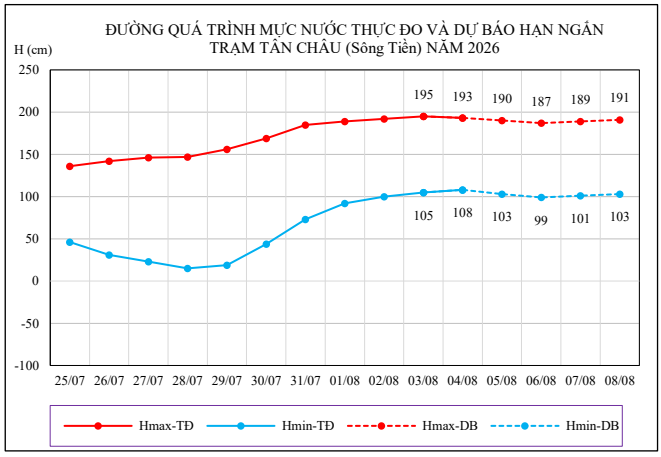


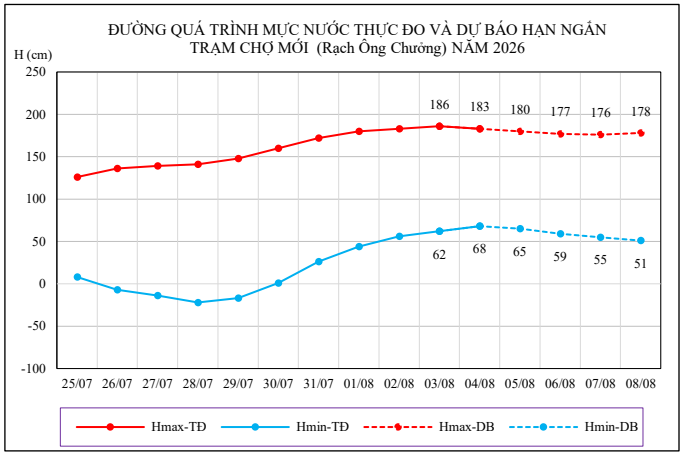


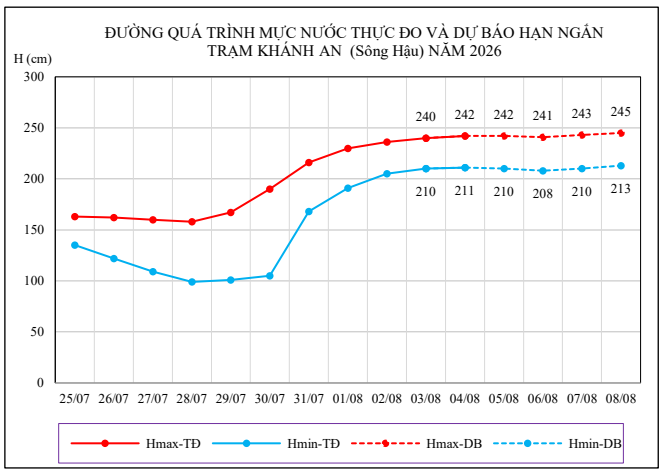


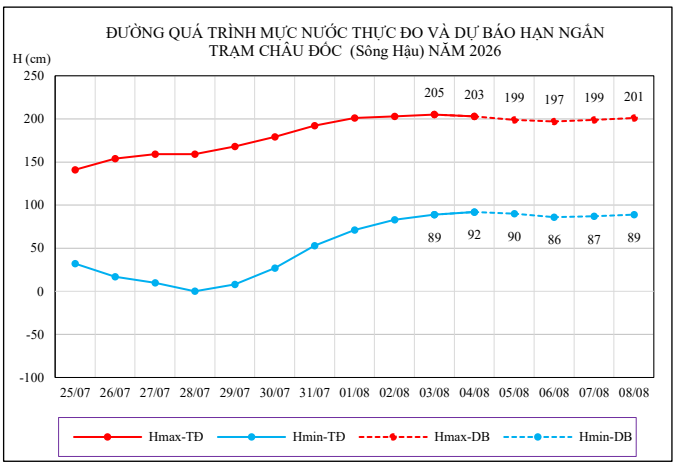


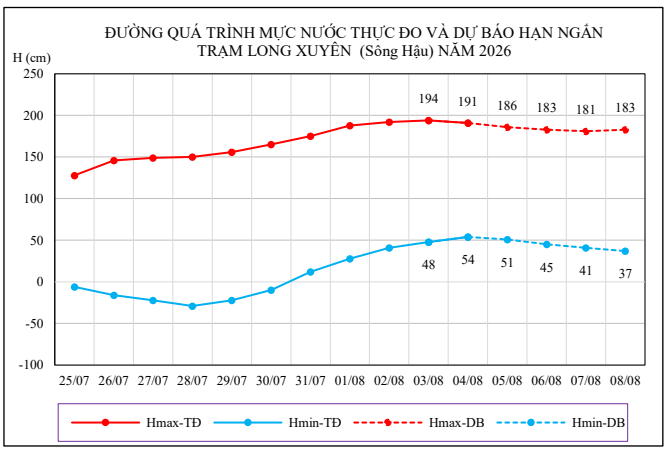


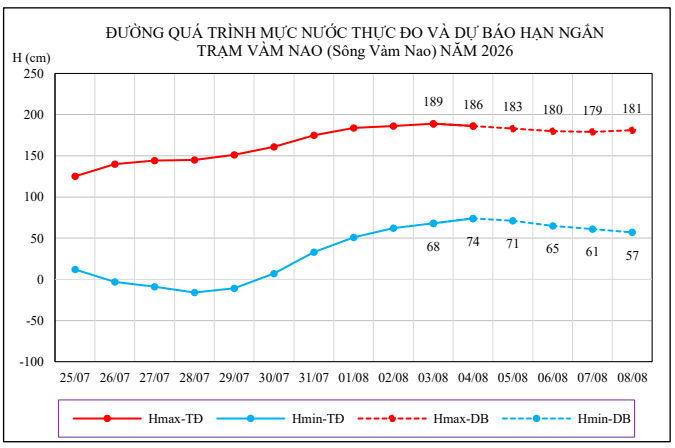

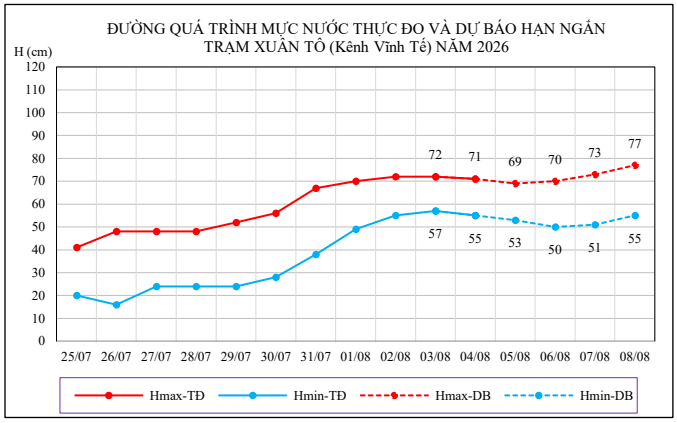
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

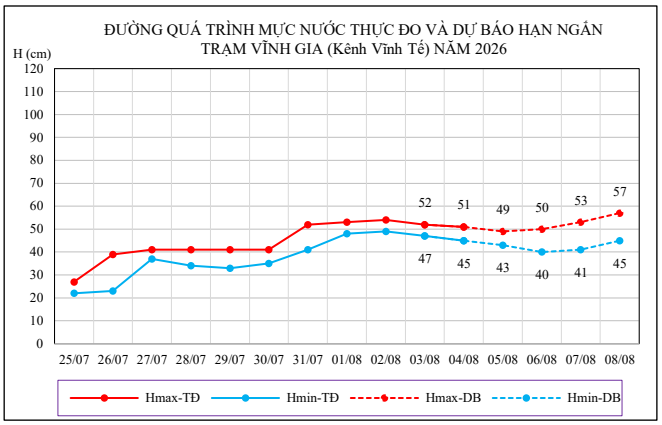
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

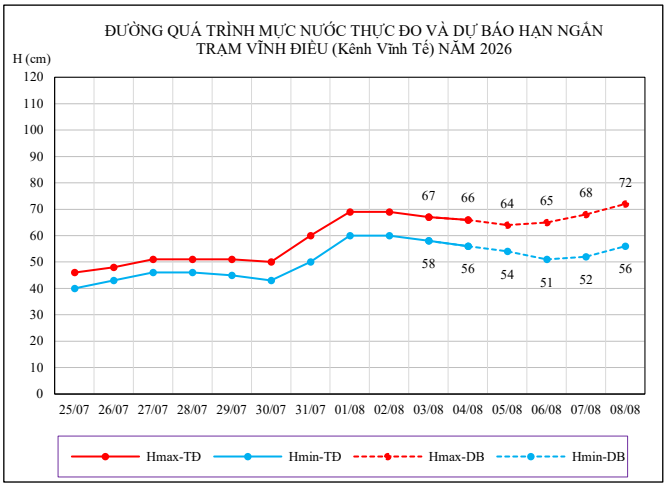
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

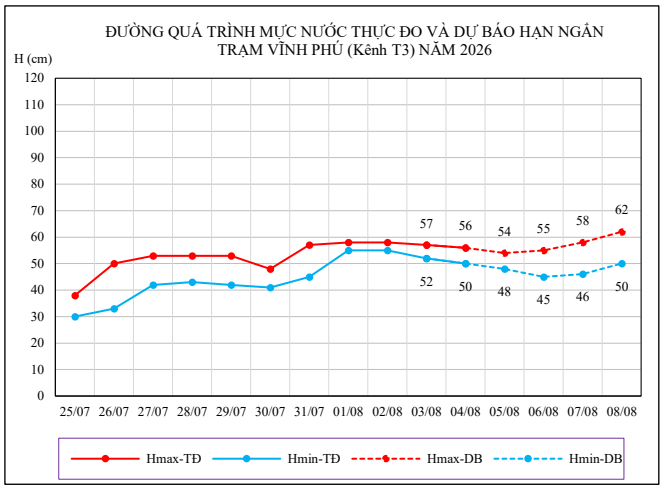
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

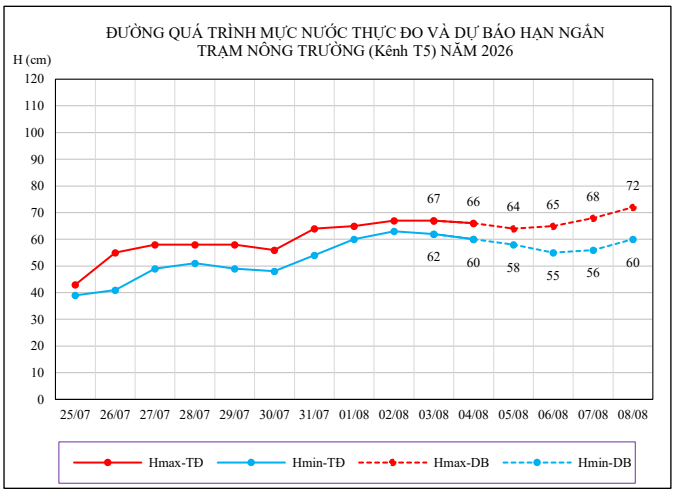
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

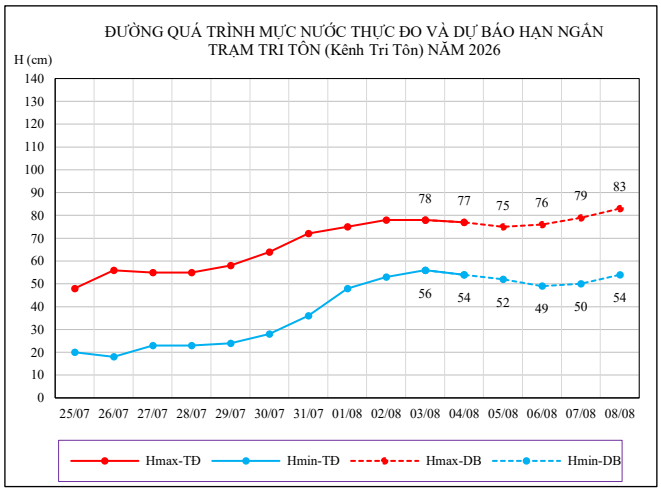
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

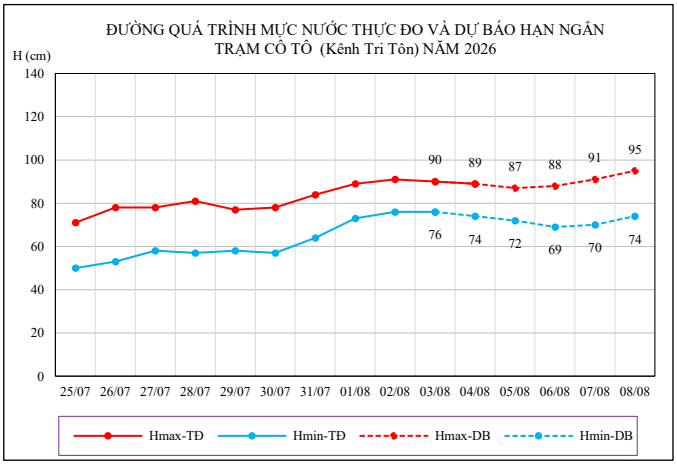
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CỒ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

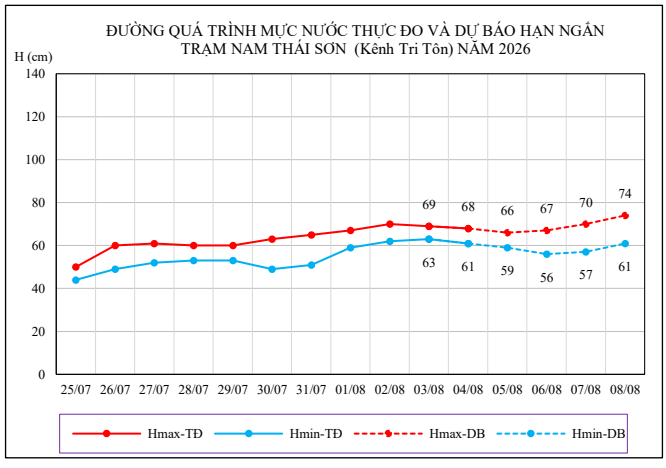
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

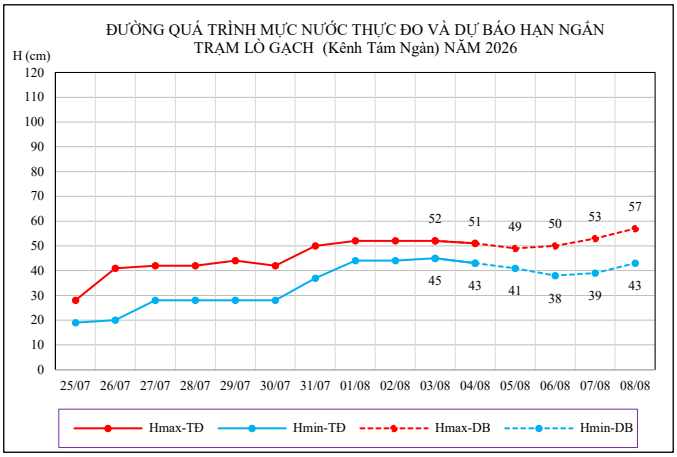
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
120
110
100
90
80
70
60
50
40
30
20
10
0
25/07 26/07 27/07 28/07 29/07 30/07 31/07 01/08 02/08 03/08 04/08 05/08 06/08 07/08 08/08
52 51 49 50 53 57
45 43 41 38 39 43
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

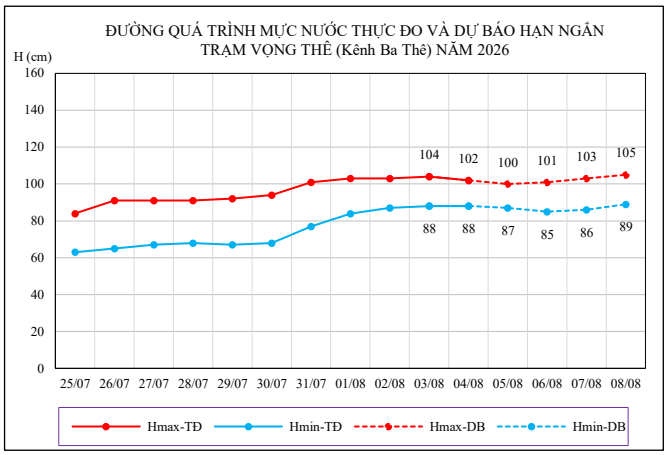
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
160
140
120
100
80
60
40
20
0
25/07 26/07 27/07 28/07 29/07 30/07 31/07 01/08 02/08 03/08 04/08 05/08 06/08 07/08 08/08
104 102 100 101 103 105
88 88 87 85 86 89
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

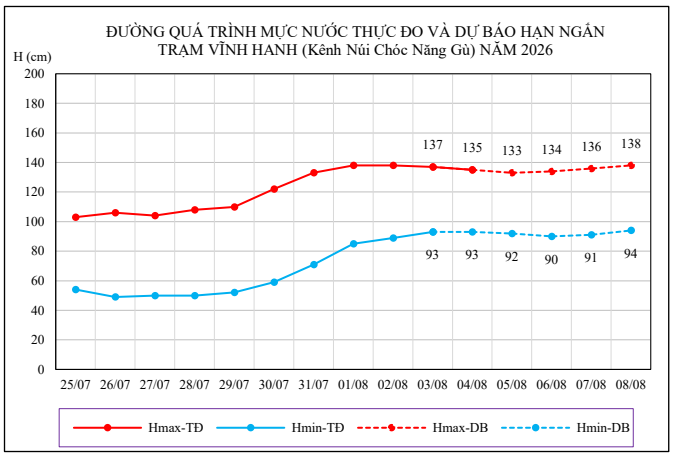
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
200
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
25/07 26/07 27/07 28/07 29/07 30/07 31/07 01/08 02/08 03/08 04/08 05/08 06/08 07/08 08/08
137 135 133 134 136 138
93 93 92 90 91 94
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

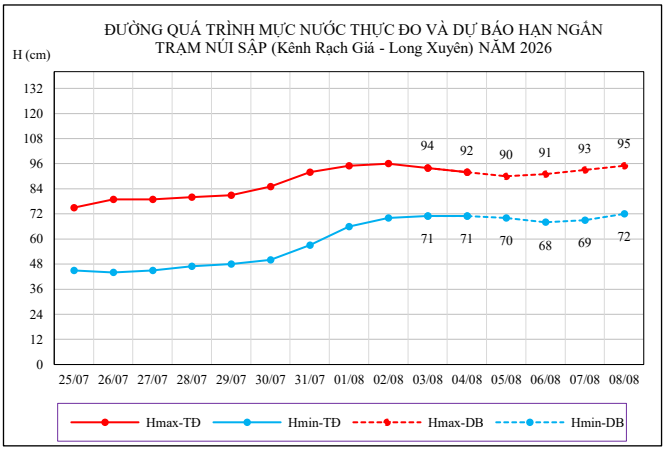
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
132
120
108
96
84
72
60
48
36
24
12
0
25/07 26/07 27/07 28/07 29/07 30/07 31/07 01/08 02/08 03/08 04/08 05/08 06/08 07/08 08/08
94 92 90 91 93 95
71 71 70 68 69 72
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

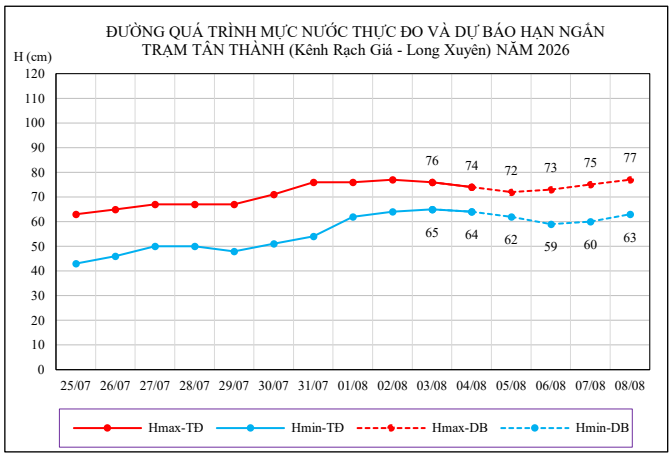
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
120
110
100
90
80
70
60
50
40
30
20
10
0
25/07 26/07 27/07 28/07 29/07 30/07 31/07 01/08 02/08 03/08 04/08 05/08 06/08 07/08 08/08
76 74 72 73 75 77
65 64 62 59 60 63
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

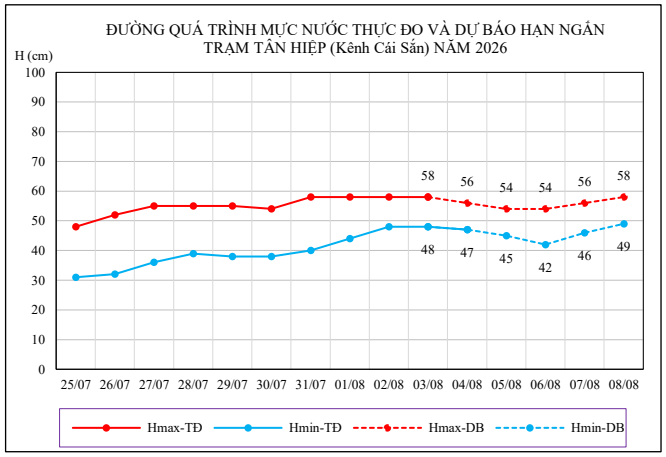
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
100
90
80
70
60
50
40
30
20
10
0
25/07 26/07 27/07 28/07 29/07 30/07 31/07 01/08 02/08 03/08 04/08 05/08 06/08 07/08 08/08
58 56 54 54 56 58
48 47 45 42 46 49
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

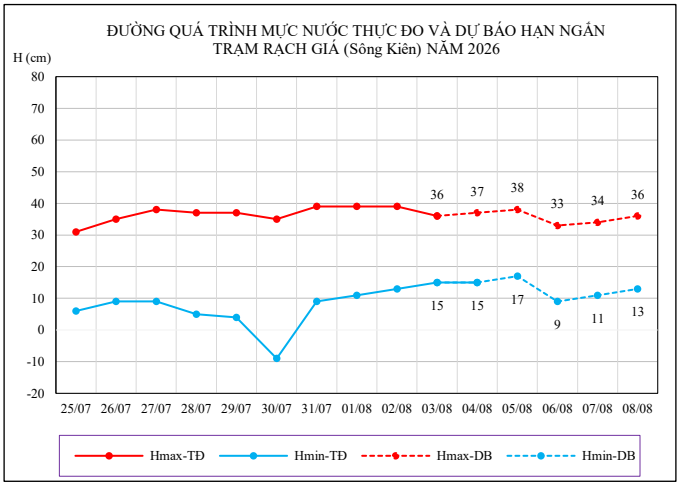
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
80
70
60
50
40
30
20
10
0
-10
-20
25/07 26/07 27/07 28/07 29/07 30/07 31/07 01/08 02/08 03/08 04/08 05/08 06/08 07/08 08/08
36 37 38 33 34 36
15 15 17 9 11 13
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

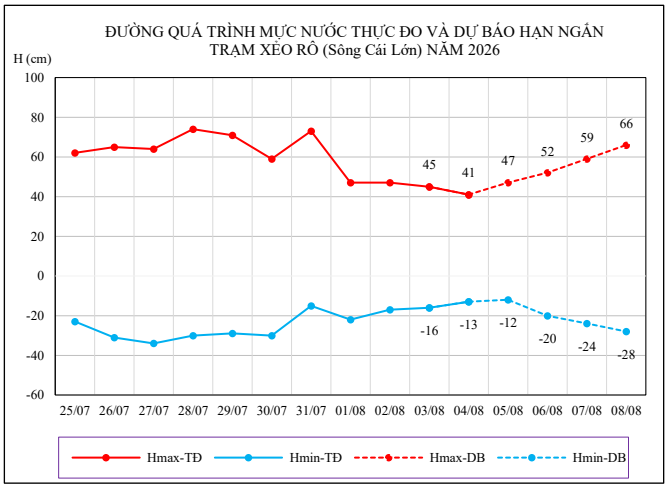
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
100
80
60
40
20
0
-20
-40
-60
25/07 26/07 27/07 28/07 29/07 30/07 31/07 01/08 02/08 03/08 04/08 05/08 06/08 07/08 08/08
45 41 47 52 59 66
-16 -13 -12 -20 -24 -28
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB